Crowe

THUẾ SUẤT



Kiểm toán / Thuế / Tư vấn

Smart decisions. Lasting value.

I. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

STT	Thu nhập	Cá nhân cư trú		Cá nhân không cư trú
1	Thu nhập từ tiền lương, tiền công	Hợp đồng lao động dưới 3 tháng & thu nhập từ 2.000.000 VNĐ/tháng trở lên	10%	20%
		Hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên	Biểu thuế lũy tiến từng phần (*)	
2	Thu nhập từ kinh doanh	0,5% - 5%		1% - 5%
3	Thu nhập từ đầu tư vốn	5%		5%
4	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	20%		0,1%
5	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	0,1%		
6	Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	2%		2%
7	Thu nhập từ trúng thưởng/ thừa kế/ quà tặng	10%		10%
8	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5%		5%

(*) Biểu thuế lũy tiến từng phần

Bậc thuế	Thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất
1	Đến 60	Đến 5	5%
2	Từ 60 đến 120	Từ 5 đến 10	10%
3	Từ 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15%
4	Từ 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20%
5	Từ 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25%
6	Từ 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30%
7	Trên 960	Trên 80	35%

(**) Giảm trừ gia cảnh

STT	Đối tượng	Mức giảm trừ
1	Bản thân người nộp thuế	11.000.000 VNĐ/ tháng
2	Người phụ thuộc	4.400.000 VNĐ/người/tháng

II. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

STT	Loại thu nhập	Hoạt động	Thuế suất
1	Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác các mỏ tài nguyên quý hiếm	40%/50%
		Hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại Việt Nam	32% - 50%
		Các hoạt động khác (áp dụng thuế suất phổ thông)	20%
2	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn		20%
3	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán		20%
4	Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản		20%

(***) Ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp

Khung ưu đãi		Điều kiện hưởng ưu đãi
Thuế suất ưu đãi	10%/ 17%	Các dự án sẽ được hưởng ưu đãi thuế nếu thuộc các lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư hoặc dự án có quy mô lớn.
Giảm thuế	Tối đa giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm liên tiếp	
Miễn thuế	Tối đa không quá 4 năm liên tiếp	

III. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Đối tượng	Thuế suất
Nông sản, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác/chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra hoặc ở khâu nhập khẩu	Không chịu thuế
Chuyển quyền sử dụng đất	
Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp; bảo hiểm tàu, thuyền, trang thiết bị, dụng cụ phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; tái bảo hiểm.	
Một số dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán	
Dịch vụ bưu chính, viễn thông từ người ngoài vào Việt Nam	
Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật	
Xuất bản, nhập khẩu, phát hành sách, báo, tạp chí chuyên ngành, sách chính trị, …	
Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt và xe điện.	
Hàng hóa thuộc loại chưa sản xuất được, nhập khẩu trong một số trường hợp theo quy định.	
Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam, hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu, vật tư nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài.	
Chuyển giao công nghệ và chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ	
Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác dùng cho người tàn tật	
Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống.	
Hàng hóa bán miễn thuế ở các cửa hàng bán hàng miễn thuế theo quy định của Thủ tướng Chính phủ	
Các hoạt động có thu phí, lệ phí của Nhà nước	
….	
Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	0%
Hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan	
Vận tải quốc tế	
Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0%	
Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt	5%
Quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng	
Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp	
Nông sản, thủy sản chưa qua chế biến, hoặc chỉ qua sơ chế, bảo quản ở khâu kinh doanh thương mại	
Mủ cao su sơ chế; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá.	
Thực phẩm tươi sống ở khâu kinh doanh thương mại; lâm sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, trừ gỗ, măng, …	
Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường	
Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế; giấy in báo	
Thiết bị y tế	
Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập	
Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật, sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim	

Đồ chơi trẻ em; sách các loại	
Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật khoa học và công nghệ	
Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật nhà ở.	
Hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối thương không chịu thuế, hoặc đối tượng áp dụng mức thuế suất 0% và 5%	10%
Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, áp dụng cho năm 2022 Ngoại trừ viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (trừ khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;	Giảm còn 8%

8	Xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	2%	3%
9	Hoạt động sản xuất, kinh doanh khác, vận chuyển (bao gồm vận chuyển đường biển, vận chuyển hàng không)	2%	2%
10	Chuyển nhượng chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, tái bảo hiểm ra nước ngoài, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	0,1%	NA
11	Lãi tiền vay	5%	NA
12	Thu nhập từ bản quyền	10%	NA

IV. THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

STT	Hàng hóa/ dịch vụ	Thuế suất
1	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	
	Từ 01/01/2019	75%
2	Rượu (Từ 1/1/2018)	
	a) Rượu từ 20 độ trở lên	65%
	b) Rượu dưới 20 độ	35%
3	Bia (Từ 1/1/2018)	65%
4	Xe ô tô dưới 24 chỗ (Từ 1/1/2018)	5% - 150%
5	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm3	20%
6	Tàu bay	30%
7	Du thuyền	30%
8	Xăng các loại	7%-10%
9	Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	10%
10	Bài lá	40%
11	Vàng mã, hàng mã	70%
12	Kinh doanh vũ trường	40%
13	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	30%
14	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	35%
15	Kinh doanh đặt cược	30%
16	Kinh doanh gôn	20%
17	Kinh doanh xổ số	15%

V. THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

STT	Hoạt động	TNDN	GTGT
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị; phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam {bao gồm cả cung cấp hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài); cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms}	1%	NA
2	Cung cấp máy móc gắn liền với dịch vụ thực hiện tại Việt Nam, nếu không tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị dịch vụ	2%	3%
3	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan	5%	5%
4	Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino;	10%	5%
5	Dịch vụ tài chính phái sinh	2%	NA
6	Cho thuê tàu bay, động cơ tàu bay, phụ tùng tàu bay, tàu biển	2%	NA
7	Xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	2%	5%

VI. THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

STT	Hàng hóa	Đơn vị	Thuế suất (đồng/đơn vị)
1	Xăng, dầu, mỡ nhờn (trừ etanol)	Lit/kg	1.000 – 4.000
	Từ 1/4/2022 đến 31/12/2022		300-2000 (giảm 50-70%)
2	Than đá	Tấn	15.000 -30.000
3	Dung dịch Hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC)	Kg	5.000
4	Túi ni lông thuộc diện chịu thuế	Kg	50.000
5	Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng	Kg	500
6	Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng	Kg	1.000
7	Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng	Kg	1.000
8	Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng	Kg	1.000

VII. LỆ PHÍ MÔN BÀI

STT	Đối tượng	Mức đóng
1	**Tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ**	
	Vốn điều lệ/ vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng	3.000.000 đồng/năm
	Vốn điều lệ/ vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống	2.000.000 đồng/năm
	Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác	1.000.000 đồng/năm
2	**Cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ**	
	Doanh thu trên 500 triệu đồng/năm	1.000.000 đồng/năm
	Doanh thu trên 300 triệu đồng đến 500 triệu đồng/năm	500.000 đồng/năm
	Doanh thu trên 100 triệu đồng đến 300 triệu đồng/năm	300.000 đồng/năm

VIII. THUẾ KHÁC

STT	Loại thuế	Thuế suất
1	Thuế nhập khẩu	Thuế suất ưu đãi đặc biệt/ thuế suất ưu đãi/ thuế suất phổ thông
2	Thuế xuất khẩu	0% - 40%
3	Thuế tài nguyên	1% - 35%
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0,03% - 0,15%

Về Crowe Vietnam

Văn phòng Hà Nội

Phòng 1205, Tầng 12,

Tòa nhà IPH, 241 Xuân Thủy,

Quận Cầu Giấy,

Hà Nội

Tel: +84 24 7300 6386

Fax: +84 24 2220 8335

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 14, Tòa nhà TNR,

180-192 Nguyễn Công Trứ,

Quận 1,

TP. HCM

Tel: +84 28 7300 6386

Fax: +84 28 3827 8517

www.crowe.vn
customercare@crowe.vn

Công ty TNHH Crowe Việt Nam (tên viết tắt là Crowe Vietnam) được thành lập vào năm 2008, với ba văn phòng tại Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, là một trong những công ty kiểm toán và tư vấn hàng đầu trong phân khúc thị trường tầm trung tại Việt Nam. Crowe Vietnam cung cấp các dịch vụ bao gồm: kiểm toán, kế toán, thuế, thuê ngoài, tư vấn, đào tạo.

Crowe Vietnam là thành viên chính thức của Crowe Global, mạng lưới các công ty kiểm toán, tư vấn độc lập được xếp hạng thứ 8 thế giới và thứ 5 tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại thị trường Việt Nam, Crowe Vietnam đã xây dựng được đội ngũ nhân viên bản địa giàu kinh nghiệm và luôn cam kết mang tới dịch vụ với chất lượng tiêu chuẩn Quốc tế, quy trình cung cấp dịch vụ nhanh chóng, hiệu quả và luôn hướng tới các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp.